

Bản tin

Tăng Cường Tiếp cận Công lý và Bảo vệ Quyền tại Việt Nam

Số 13, tháng 10 năm 2014

Đây là Bản tin nội bộ cập nhật tin tức về các hoạt động của Dự án "Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam"

Các hoạt động đã triển khai

Nghiên cứu về hòa giải trong tố tụng dân sự tại Tòa án Việt Nam	Viện Khoa học xét xử, Toà án nhân dân tối cao
Xây dựng Sổ tay về Xử phạt vi phạm hành chính đối với các hoạt động tư pháp (Nghị định 110/2013)	Thanh tra Bộ Tư pháp
Tập huấn về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	Thanh tra Bộ Tư pháp
Tọa đàm về các giải pháp nâng cao kết quả và vai trò của Bộ Tư pháp trong việc triển khai Chỉ số hiệu quả xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh (MEI)	Văn phòng Bộ Tư pháp
Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự	Ban Nội chính Trung ương
Hội thảo về Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân theo yêu cầu cải cách tư pháp	Ban Nội chính Trung ương
Quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi)	Tòa án nhân dân tối cao

Các hoạt động đang tiếp tục hoàn thành

Nghiên cứu một số vấn đề được lựa chọn và đề xuất sửa đổi Bộ luật Hình sự - Hình sự hoá / phi hình sự hoá một số hành vi vi phạm	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp
Nghiên cứu một số vấn đề được lựa chọn và đề xuất sửa đổi Bộ luật Hình sự - Trách nhiệm của các pháp nhân	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp
Nghiên cứu sửa đổi các quy định của Bộ luật Hình sự về tội phạm môi trường	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp

Nghiên cứu khảo sát và đề xuất hoàn thiện quy định về cơ chế bảo vệ các quyền dân sự và tài sản của cá nhân và pháp nhân phục vụ việc sửa đổi Bộ luật Dân sự

Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế,
Bộ Tư pháp

Nghiên cứu đánh giá tổng quan Dự án Luật Hộ tịch dưới góc độ bảo vệ quyền con người

Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp

Nghiên cứu mô hình tổ chức và hoạt động của Nhóm quan hệ đối tác pháp luật nhằm tăng cường công tác điều phối viện trợ trong lĩnh vực pháp luật / tư pháp

Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp

Sự kiện:

Bộ Tư pháp phối hợp UNDP

Diễn đàn đối thoại chính sách: “Sửa đổi Bộ luật hình sự: Một bước tiến tới thực hiện Hiến pháp 2013” (22/10/2014)



Các Diễn đàn đối thoại chính sách được tổ chức trong năm 2013 và đầu năm 2014

Địa chỉ liên hệ:

Dự án "Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam"

60 Trần Phú, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 4 62739525

Email: project58492.vn@undp.org

Phiên họp lần thứ 16 của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương (13/9/2014)



Sáng 13/9, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương đã tiến hành phiên họp thứ 16 dưới sự chủ trì của đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương. Các thành viên Ban Chỉ đạo đã nghe và cho ý kiến về Báo cáo của Tổ nghiên cứu liên ngành về kết quả nghiên cứu, đề xuất nội dung dự thảo văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng (liên quan đến tổ chức, hoạt động tư pháp và cải cách tư pháp trong Mục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN); các Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về một số nội dung cơ bản của của việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật dân sự năm 2005.

Kết luận phiên họp, đồng chí Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương đánh giá cao sự chuẩn bị công phu, nghiêm túc, có chất lượng các tài liệu phục vụ phiên họp thứ 16 và nêu rõ: Báo cáo của Tổ nghiên cứu liên ngành về dự thảo nội dung xây dựng Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã có những nhận xét, đánh giá sát thực với tình hình thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp trong thời gian qua, nêu được những quan điểm, định hướng lớn về công tác tư pháp và cải cách tư pháp trong thời gian tới. Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về một số nội dung cơ bản của của việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự cho thấy việc sửa đổi, bổ sung 2 Bộ luật này là cần thiết. Mục tiêu, quan điểm, nội dung sửa đổi 2 Bộ luật này phù hợp với chủ trương hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự được nêu trong Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, các Kết luận của Bộ Chính trị về công tác cải cách tư pháp và những nội dung mới của Hiến pháp năm 2013.

Thường trực Ban Chỉ đạo cần tiếp thu đầy đủ ý kiến của các thành viên Ban Chỉ đạo chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện Tờ trình, Báo cáo kết quả nghiên cứu, đề xuất nội dung dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (về công tác tư pháp và cải cách tư pháp), trình Tiểu ban văn kiện Đại hội XII của Đảng.

Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành có liên quan tiếp tục chỉ đạo việc chỉnh lý dự án Bộ Luật Hình sự (sửa đổi) và Bộ Luật Dân sự (sửa đổi). Đối với những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau cần trình 2 phương án, có lập luận khoa học, thuyết phục đối với mỗi phương án và thể hiện rõ quan điểm của Ban soạn thảo. Cần nghiên cứu, cân nhắc kỹ những vấn đề mới phát sinh trên cơ sở phù hợp với đường lối của Đảng và Hiến pháp; khẩn trương hoàn thiện các dự thảo nói trên trình Quốc hội vào năm 2015.

Chủ tịch nước cũng nhấn mạnh, việc thể chế hóa các chủ trương cải cách tư pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự, dân sự là nhu cầu rất cấp thiết hiện nay. Đây là thời điểm, là cơ hội rất thuận lợi cho việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác tư pháp và cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp trung ương, các bộ, ngành liên quan cần nắm bắt cơ hội này, khẩn trương hoàn thiện các dự án luật đã được phân công theo đúng tiến độ, bám sát Chương trình xây dựng luật, Pháp lệnh của Quốc hội Khóa XIII, bảo đảm các chủ trương của Đảng về công tác tư pháp và cải cách tư pháp được xác định trong Nghị quyết số 49-NQ/TW phải được thể chế hóa đầy đủ, kịp thời. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thể chế hóa cần báo cáo Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương thảo luận, tháo gỡ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Các cấp ủy, tổ chức đảng của cơ quan tư pháp Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, đảng viên cơ quan, tổ chức mình tham gia chủ động, tích cực, với tinh thần trách nhiệm cao vào quá trình xây dựng, thảo luận và đóng góp ý kiến cho văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, đặc biệt là phần về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, về công tác tư pháp và cải cách tư pháp, thông qua đó nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của cải cách tư pháp, thể hiện quyết tâm trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp đảm bảo cải cách tư pháp phải kịp thời, đồng bộ với cải cách hành chính, đổi mới phát triển kinh tế để góp phần thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước./.

Theo H.Giang (nguồn: [http://: www.moj.gov.vn](http://www.moj.gov.vn))

Phiên họp lần thứ 2 nhóm chuyên gia tư vấn xây dựng Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (15/7/2014)

Ngày 15/7, Bộ Tư pháp tổ chức phiên họp lần thứ 2 Nhóm chuyên gia tư vấn xây dựng Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi). Đồng chí Hà Hùng Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đinh Trung Tụng và nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thế Liên chủ trì phiên họp. Cùng dự có các chuyên gia, thành viên Ban soạn thảo, các đại biểu từ các Bộ, ngành: Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an...



Phát biểu khai mạc tại phiên họp, Bộ trưởng Hà Hùng Cường khẳng định Bộ luật Hình sự là một đạo luật lớn, rất quan trọng của Nhà nước ta. Việc sửa đổi, bổ sung lần này phải hướng tới mục tiêu xây dựng một Bộ luật Hình sự có chất lượng và tính khả thi cao, có tính dự báo, tạo cơ sở pháp lý sắc bén để đấu tranh hữu hiệu phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường, bảo đảm mọi người được sống trong một môi trường xã hội an toàn, lành mạnh.



Phiên họp lần này tập trung vào những nội dung lớn đề xuất sửa đổi, bổ sung Phần chung của Bộ luật Hình sự (BLHS) với ba vấn đề lớn: (1) một số nội dung lớn sửa đổi, bổ sung Phần chung của BLHS, các quy định liên quan đến vấn đề tội phạm, hình phạt và chính sách hình sự đối với người chưa thành niên. (2) một số nội dung mới dự kiến bổ sung vào BLHS làm thay đổi quan niệm truyền thống về tội phạm, hình phạt và chính sách hình sự, quy định tội phạm và hình phạt trong các đạo luật chuyên ngành, trách nhiệm hình sự pháp nhân, áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. (3), dự kiến điều chỉnh lại cấu trúc Phần chung của BLHS.

Theo Nghị quyết số 22/NQ-CP tại phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 03/2014, Chính phủ thống nhất với đề xuất của Bộ Tư pháp về những định hướng lớn xây dựng Bộ luật Hình sự (sửa đổi) và nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản sau: Thứ nhất, giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ. Hạn chế phạm vi áp dụng hình phạt tử hình. Mở rộng phạm vi áp dụng chế định loại trừ trách nhiệm hình sự. Hoàn thiện hơn nữa chính sách hình sự liên quan. Thứ hai, mở rộng nguồn của pháp luật hình sự một cách hợp lý theo hướng, một số tội phạm cụ thể có tính chất đặc thù cao và hình phạt với các tội phạm đó có thể được quy định trong các luật chuyên ngành để bảo đảm tính kịp thời và linh hoạt trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thứ ba, cần thiết phải quy định trách nhiệm hình sự đối với các pháp nhân kinh tế, trên cơ sở nghiên cứu, xác định rõ những vấn đề cụ thể có liên quan, bảo đảm phù hợp với thực tiễn nước ta và tính khả thi. Thứ tư, thực hiện phi hình sự hóa một số tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành không còn phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của nước ta. Đồng thời, hình sự hóa một số hành vi vi phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội chưa được quy định trong Bộ luật Hình sự, nội luật hóa các quy định có tính ràng buộc của các công ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.



Tại phiên họp, các chuyên gia, thành viên Ban soạn thảo, các đại biểu tham dự đã thảo luận và trao đổi những vấn đề lớn sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự tập trung vào: Một số nội dung lớn sửa đổi, bổ sung Phần chung của Bộ luật Hình sự (các quy định liên quan đến vấn đề tội phạm, hình phạt và chính sách hình sự đối với người chưa thành niên); Một số nội dung mới dự kiến bổ sung vào Bộ luật Hình sự làm thay đổi quan niệm truyền thống về tội phạm, hình phạt và chính sách hình sự (quy định tội phạm và hình phạt trong các đạo luật chuyên ngành, trách nhiệm hình sự của pháp nhân, áp

dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội); Dự kiến điều chỉnh lại cấu trúc Phần chung của Bộ luật Hình sự./.

(Nguồn: <http://moj.gov.vn>)

Phiên họp lần thứ tư Ban soạn thảo Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) (08/8/2014)

Ngày 08/8, Bộ Tư pháp đã tổ chức phiên họp lần thứ tư Ban soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) để thảo luận, cho ý kiến về một số nội dung lớn sửa đổi Phần chung Bộ luật hình sự. Đồng chí Hà Hùng Cường, Bộ trưởng Bộ Tư pháp – Trưởng Ban soạn thảo chủ trì phiên họp. Tham dự phiên họp có đồng chí Lê Thị Thu Ba, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương; đồng chí Nguyễn Doãn Khánh, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Nội chính Trung ương; đồng chí Kiều Đình Thụy, Phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; đồng chí Trần Công Phàn, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đồng chí Lê Minh Tâm, Phó chủ tịch Hội luật gia Việt Nam; đồng chí Đặng Quang Phương, nguyên Phó Chánh án thường trực Tòa án nhân dân tối cao; đồng chí Phạm Quý Ty, nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp; ông Đào Trí Úc, Chủ tịch Hội đồng khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội và các thành viên Tổ biên tập Bộ luật hình sự (sửa đổi).



Tại phiên họp, ông Nguyễn Văn Hoàn đại diện Tổ biên tập Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã trình bày tóm tắt năm nội dung chính cần xin ý kiến Ban soạn thảo, đó là: Những nội dung mới dự kiến bổ sung vào Bộ luật hình sự, sửa đổi những nội dung liên quan đến tội phạm, sửa đổi những nội dung liên quan đến hình phạt, sửa đổi chính sách hình sự đối với người chưa thành niên, điều chỉnh cơ cấu Phần chung của Bộ luật hình sự. Các thành viên Ban soạn thảo và các chuyên gia đã thảo luận những vấn đề được Tổ biên tập đưa ra lấy ý kiến, trong đó tập trung vào vấn đề mở rộng nguồn của luật hình sự, trách nhiệm hình sự của pháp nhân, quy định xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên, thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tù, tăng cường khả năng áp dụng hình phạt không tước tự do, thu hẹp phạm vi áp dụng án tử hình và vấn đề quy định loại trừ trách nhiệm hình sự. Nhìn chung, các ý kiến tán thành phương án Tổ biên tập đưa ra và cho rằng phương án này đã phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp tại Nghị quyết 49-NQ/TW và định hướng xây dựng Bộ luật hình sự.



Phát biểu tại phiên họp, Bộ trưởng Hà Hùng Cường đánh giá cao sự chuẩn bị của Tổ biên tập cho phiên họp này và nhận xét: phương án sửa đổi, bổ sung Phần chung của Bộ luật hình sự nhìn chung bám sát Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị và bám sát tinh thần đổi mới của Hiến pháp. Về vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân, Bộ trưởng chỉ đạo Tổ biên tập báo cáo xin ý kiến Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương, Bộ Chính trị và các cơ quan có liên quan trước khi tiếp tục nghiên cứu xây dựng phương án sửa đổi./.

Nguồn: <http://moj.gov.vn>

Tọa đàm "Thực trạng và giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Bộ Tư pháp (MEI)" (25-26/8/2014)



Trong các ngày 25 và 26/8/2014, Bộ Tư pháp đã chủ trì tổ chức tọa đàm "Thực trạng và giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Bộ Tư pháp (MEI)". Tọa đàm nhằm đánh giá tổng quát các kết quả đạt được, làm rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Bộ Tư pháp, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp cần triển khai thực hiện trong thời gian tới, góp phần đưa hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Bộ Tư pháp đi vào nền nếp, nâng cao Chỉ số MEI của Bộ Tư pháp và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người doanh nghiệp, người dân trong thời gian tới.

Tham dự tọa đàm có đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp: Văn phòng Bộ, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Cục Con nuôi, Cục Công tác phía Nam; đại diện lãnh đạo STP Hải Dương; cán bộ các đơn vị làm công tác văn phòng, xây dựng văn bản, theo dõi thi hành pháp luật và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và một số đơn vị liên quan thuộc Bộ (Cục Hỗ trợ Tư pháp, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính; Cục Xử lý vi phạm hành

chính và theo dõi thi hành pháp luật), Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự của 12 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



Tại Tọa đàm, đại biểu đã được cung cấp thông tin toàn diện về chỉ số MEI, sự cảm nhận của các HHDN, doanh nghiệp về công tác xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Bộ Tư pháp; được nghe các chuyên gia, đại diện các đơn vị thuộc Bộ trình bày các chuyên đề, tham luận như: Tổng quan về MEI và Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật của Bộ Tư pháp trong các năm 2011 và 2012; Thực trạng hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Bộ Tư pháp; Tình hình triển khai, thi hành pháp luật về lĩnh vực luật sư và giám định tư pháp - một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong thời gian tới; Thực trạng xây dựng và thi hành pháp luật về giao dịch bảo đảm, đăng ký giao dịch bảo đảm và một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

Các đại biểu đã tích cực tham gia phát biểu, trao đổi, thảo luận về các vấn đề liên quan đến công tác xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Bộ Tư pháp, tập trung làm rõ nguyên nhân về sự sụt giảm điểm các chỉ tiêu, chỉ số thành phần MEI 2012 so với năm 2011, cụ thể là các chỉ tiêu về sự cần thiết của văn bản quy phạm pháp luật, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, loại thông tin cung cấp (tuyên truyền phổ biến pháp luật), hoạt động thi hành pháp luật cơ bản, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành, trách nhiệm giải trình.



Nhiều ý kiến phát biểu đã làm sâu sắc hơn thực trạng công tác xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Bộ Tư pháp và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới, cụ thể là: cần rà soát một cách hệ thống và cụ thể các vấn đề về Chỉ số MEI để đề xuất Lãnh đạo Bộ có văn bản quán triệt đến các đơn vị thuộc Bộ về việc triển khai thực hiện Chỉ số MEI và các vấn đề liên quan; nghiêm túc thực hiện việc lấy ý kiến của VCCI trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh; có cảnh báo đối với những chỉ tiêu MEI 2012 mà Bộ Tư pháp bị giảm điểm so với năm 2011; trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh, cần quan

tâm, đẩy mạnh hơn công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đồng thời, đẩy mạnh công tác truyền thông để tiếp tục nâng cao nhận thức về Chỉ số MEI...

(Theo Thu Hà, Văn phòng Bộ Tư pháp)

Các hoạt động nghiên cứu đã được hoàn thành:

Nghiên cứu về hòa giải trong tố tụng dân sự tại Tòa án Việt Nam

Báo cáo này đã được một nhóm chuyên gia nghiên cứu thực hiện và hoàn thành vào tháng 8 năm 2014 dưới sự chỉ đạo của Tòa án nhân dân tối cao. Báo cáo góp phần hỗ trợ cho việc nghiên cứu sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự trong thời gian tới.

Hòa giải là một biện pháp truyền thống để giải quyết các tranh chấp trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Khi tranh chấp xảy ra, các bên thường cố gắng tự thương lượng, dàn xếp với nhau hoặc tìm đến người thứ ba để được hỗ trợ trong việc tìm kiếm những giải pháp thích hợp cho việc giải quyết xung đột, chấm dứt các tranh chấp, bất hòa. Trường hợp các bên tranh chấp không tự thương lượng, hòa giải về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết, thì tranh chấp sẽ được Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Pháp luật tố tụng dân sự xác định hòa giải vừa là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng dân sự, vừa là thủ tục tố tụng mà Tòa án, các đương sự có trách nhiệm tiến hành khi giải quyết vụ việc dân sự. Hòa giải tranh chấp tại Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả không chỉ ở Việt Nam mà ở nhiều nước trên thế giới. Bởi theo nguyên tắc “việc dân sự cốt ở đôi bên”, thì pháp luật luôn có xu hướng tạo điều kiện để các bên đương sự tự thương lượng, thỏa thuận giải quyết tranh chấp của mình. Hòa giải tranh chấp tại Tòa án là một trong những chế định nhằm thực hiện nguyên tắc này. Ở Việt Nam, trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, các bên vẫn có quyền quyết định và tự định đoạt việc giải quyết tranh chấp không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Tuy nhiên, thực tiễn công tác hòa giải tại Tòa án cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập liên quan đến chế định hòa giải như: quy định của pháp luật về hòa giải còn chưa đầy đủ, một số quy định còn chưa phù hợp với thực tiễn, chưa khuyến khích các bên tham gia hòa giải; trình tự, thủ tục hòa giải còn chưa đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan; chưa quy định thủ tục hòa giải đối với những vụ án dân sự có tính chất đặc thù như: tranh chấp về hôn nhân gia đình, tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế, tranh

chấp lao động, tranh chấp kinh doanh thương mại,... Do đó, nhiều vụ án không được Thẩm phán tổ chức tiến hành hòa giải theo đúng quy định của pháp luật và đã bị Tòa án cấp trên sửa, hủy bản án/quyết định; tỷ lệ vụ án phải đưa ra xét xử cao do tỷ lệ hòa giải thành thấp hoặc hòa giải không hiệu quả. Vì vậy, đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật về chế định hòa giải cả về mặt lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả hòa giải trong việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

Mục đích nghiên cứu nhằm đánh giá toàn diện, xác thực, khách quan về chế định hòa giải, đặc biệt chú trọng tổng kết thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hòa giải trong tố tụng dân sự, từ đó đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật tố tụng dân sự trong bối cảnh mới, phù hợp với yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: “*Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó*”. Đồng thời, việc nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu về hòa giải trong tố tụng dân sự cũng phù hợp và đảm bảo thực hiện tinh thần của Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23-11-2012 của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, TAND và công tác thi hành án năm 2013, khẳng định: Tòa án nhân dân tối cao cần chỉ đạo các Tòa án “... *Nâng cao tỷ lệ hòa giải thành các vụ việc dân sự...*”

Trên cơ sở nghiên cứu quy định và thực tiễn thi hành, Báo cáo nghiên cứu đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải vụ việc dân sự tại Tòa án Việt Nam, bao gồm: (i) Hoàn thiện pháp luật về hòa giải vụ việc dân sự; (ii) Thiết lập một bộ máy chuyên trách về hòa giải vụ việc dân sự tại Tòa án, nghiên cứu để thành

lập trung tâm hòa giải tại Tòa án (iii) Nâng cao năng lực của người tiến hành hòa giải vụ việc dân sự, (iv) Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác hòa giải vụ việc dân sự tại Tòa án./.

(Đầu mối liên hệ: Viện Khoa học xét xử, Tòa án nhân dân tối cao)

Báo cáo nghiên cứu xây dựng Sổ tay xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Báo cáo này được một nhóm chuyên gia nghiên cứu thực hiện và hoàn thành vào tháng 9 năm 2014 sau khi đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các chuyên gia trong nước, các nhà khoa học đến từ các Bộ, ngành ở Trung ương và đại biểu một số địa phương có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động xử phạt vi phạm hành chính vào tháng 7/2014. Báo cáo này có ý nghĩa thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc triển khai Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực do Bộ Tư pháp quản lý, giúp cho người có thẩm quyền xử phạt có thể dễ dàng thực hiện trong quá trình thi hành nhiệm vụ.

Xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực do Bộ Tư pháp quản lý là công cụ quan trọng góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của Bộ. Tuy nhiên, việc xử phạt đến nay vẫn chưa được chú trọng, số lượng các vụ việc xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực do Bộ Tư pháp quản lý còn thấp, hiệu quả của công tác xử phạt vi phạm hành chính còn chưa cao.

Ngày 24 tháng 9 năm 2013 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Nghị định có hiệu lực từ ngày 11 tháng 11 năm 2013.

Đây là Nghị định lớn, phức tạp, điều chỉnh nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Nghị định được ban hành trên cơ sở các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó có nhiều điểm mới như nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính, hệ thống các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt; nhiều hành vi mới đã được quy định làm tăng trách nhiệm của Thanh tra Tư pháp trong việc thanh tra, kiểm tra để phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Mục đích của việc nghiên cứu này là nhằm xây dựng được một cuốn Sổ tay hướng dẫn chi tiết và cụ thể về nghiệp vụ xử phạt vi phạm hành chính, giúp cho các công chức có thẩm quyền

xử phạt vi phạm hành chính hiểu rõ về các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; đồng thời hiểu rõ kỹ năng, trình tự, thủ tục và giải đáp các vướng mắc phát sinh từ thực tiễn xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực này.

Với mục đích trên, Báo cáo nghiên cứu này được xây dựng gồm 02 phần: Phần thứ nhất: Nội dung và những điểm mới cơ bản của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; Phần thứ hai: Hồi đáp với những tình huống cụ thể, thường xảy ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác tư pháp cụ thể, được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực tư pháp, kết hợp với các kỹ năng xử lý tình huống và quá trình nghiên cứu, xây dựng Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực tư pháp và các lĩnh vực công tác khác.

Sổ tay xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thi hành trên thực tế các quy định của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP./.

(Đầu mối liên hệ: Thanh tra Bộ Tư pháp, điện thoại: 04.62739574, email: loint@moj.gov.vn)

Báo cáo sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp (phục vụ việc sửa đổi bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự)

Nhằm bảo đảm các quy định của Bộ luật phù hợp với Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Ban Nội chính Trung ương tổ chức hoạt động nghiên cứu chuyên sâu về sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự. Báo cáo này được nghiên cứu thực hiện từ năm 2013 và hoàn thành trong năm 2014. Báo cáo nghiên cứu đã chỉ ra được những khó khăn, vướng mắc về thực tiễn thi hành pháp luật tố tụng hình sự trong thời gian qua và những yêu cầu sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự. Trên cơ sở phân tích tổng quan các nghiên cứu về sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự đã được công bố, Báo cáo nghiên cứu đã đưa ra những đề xuất, kiến nghị những sửa đổi, bổ sung cụ thể; đồng thời các chuyên gia tư vấn quốc tế cũng đã đặt ra các vấn đề pháp lý quốc tế đối với việc sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự trong điều kiện hội nhập quốc tế để thực thi các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia. Đây là một công trình nghiên cứu dày công và nghiêm túc với sự hỗ trợ của dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, sau khi nghiệm thu sẽ là tài liệu tham khảo giúp Ban Nội chính Trung ương làm cơ sở để đưa ra những kiến nghị quý báu cho việc sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, giúp các cơ quan thẩm quyền xem xét, quyết định trong quá trình nghiên cứu, thẩm định Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi), đảm bảo đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đã được ghi nhận trong các nghị quyết của Đảng, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế; đồng thời, cụ thể hoá những nội dung quan trọng trong Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Việt Nam đang tích cực triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết 49-NQ/TW). Một trong những nội dung ưu tiên của cải cách tư pháp ở Việt Nam là “Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp” với các mục tiêu bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

Với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao, Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định một trong những phương hướng quan trọng của cải cách tư pháp là “*Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người*”.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (BLTTHS 2003) là một trong những văn bản cốt lõi của hệ thống pháp luật hình sự. Việc hoàn thiện hệ

thống pháp luật hình sự sẽ không đầy đủ nếu thiếu sự hoàn thiện các quy định của BLTTHS 2003. Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn thi hành BLTTHS 2003 sau hơn 10 năm triển khai thực hiện đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc, bất cập từ những nguyên tắc cơ bản đến các qui định cụ thể như: vấn đề phân định rành mạch các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự (chức năng buộc tội - chức năng bào chữa - chức năng xét xử); quy định về vai trò, thẩm quyền, sự phân công phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan, các cấp tiến hành tố tụng; quy định các cơ chế để bảo đảm cho quá trình tiến hành tố tụng được công khai, minh bạch, dân chủ...; hay chưa qui định địa vị pháp lý của một số người tham gia tố tụng, qui định không đầy đủ quyền của một số chủ thể như bị can, bị cáo, người bào chữa.... Các qui định về chứng cứ, biện pháp ngăn chặn, về điều tra, truy tố, xét xử cũng còn rất nhiều vướng mắc, bất cập. Bên cạnh đó, một số chủ trương lớn của cải cách tư pháp như: nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, tăng cường công tố trong hoạt động điều tra... chưa được nghiên cứu toàn diện và chưa được thể chế hóa đầy đủ trong Bộ luật tố tụng hình sự. Hiện nay, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đang chủ trì phối hợp cùng với các cơ quan có liên quan xây dựng Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi). Trong thời gian qua, đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến việc đánh giá thực trạng thi hành BLTTHS 2003 cũng như đề xuất những vấn đề

cần sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự đã ban hành cho phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp do nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức khác nhau thực hiện. Việc hệ thống hóa, phân tích, đánh giá những phương án đề xuất trong các nghiên cứu đó để đưa ra kiến nghị sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự là rất cần thiết và việc đặt ra yêu cầu sửa đổi Bộ luật là một tất yếu khách quan.

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Ban Nội chính Trung ương tổ chức hoạt động nghiên cứu chuyên sâu về sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự nhằm bảo đảm các quy định của Bộ luật phù hợp với Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Trong đó có việc phối hợp với Ban Quản lý dự án và UNDP Việt Nam xây dựng báo cáo nghiên cứu về sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Báo cáo nghiên cứu gồm 4 nội dung cơ bản:

1) *Những khó khăn, vướng mắc về thực tiễn thi hành pháp luật tố tụng hình sự trong thời gian qua và yêu cầu sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự;*

2) *Tổng quan các nghiên cứu về sửa đổi, bổ sung BLTTHS 2003 đã được công bố từ năm 2003 đến nay;*

3) *Các vấn đề pháp lý quốc tế đối với việc sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự trong điều kiện hội nhập quốc tế để thực thi các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia;*

4) *Kiến nghị sửa đổi, bổ sung BLTTHS 2003.*

Báo cáo nghiên cứu đã phân tích cụ thể, toàn diện, chỉ ra 29 khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn 10 năm áp dụng BLTTHS 2003, làm cơ sở để kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của BLTTHS 2003. Tất cả 29 khó khăn, vướng mắc này đều cần thiết được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện trong BLTTHS nhằm bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong suốt quá trình tố tụng.

Đồng thời, trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu về sửa đổi, bổ sung BLTTHS 2003 đã được công bố từ năm 2003 đến nay, Báo cáo nghiên cứu đã phân tích, đánh giá cơ sở, sự phù hợp của những đề xuất sửa đổi, bổ sung BLTTHS 2003, như đánh giá các đề xuất sửa

đổi, bổ sung các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS (các nguyên tắc: suy đoán vô tội, quyền được Tòa án xét xử và sự bình đẳng trước pháp luật, trước Tòa án, tranh tụng, minh oan và nguyên tắc công tố), đánh giá những đề xuất sửa đổi, bổ sung về Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng; người tham gia tố tụng... trên cơ sở phân tích tính phù hợp với các nguyên tắc và tiến trình cải cách tư pháp, thực tiễn pháp lý quốc tế, sự ghi nhận của các văn kiện pháp lý quốc tế (như Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền, Công ước Quốc tế về Quyền dân sự và chính trị), các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam, mô hình tố tụng và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam hiện nay.

Các vấn đề pháp lý quốc tế đối với việc sửa đổi BLTTHS trong điều kiện hội nhập quốc tế để thực thi các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia là phần nội dung do chuyên gia tư vấn quốc tế hỗ trợ nghiên cứu trên cơ sở 5 trong 9 điều ước nhân quyền quốc tế “cốt lõi” mà Việt Nam là thành viên. Các công ước ICCPR, CRC và CEDAW đặc biệt quan trọng trong tố tụng hình sự, gồm các quy định về quyền xét xử công bằng, kể cả chống lại việc bắt tùy tiện và những quy trình được xác định trong quá trình xét xử. Báo cáo này đề cập tới các quyền của người chưa thành niên và Tư pháp đặc biệt đối với người chưa thành niên, các quyền trong giai đoạn trước khi xét xử, trong giai đoạn xét xử và sau khi xét xử với những phân tích sâu sắc ý nghĩa, cơ sở pháp lý của các quyền, xung đột giữa BLTTHS với các công ước quốc tế có liên quan và các kiến nghị sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể của BLTTHS có liên quan tới các quyền theo tiêu chuẩn quốc tế.

Trên cơ sở phân tích tại 3 phần trên, Báo cáo nghiên cứu đã đưa ra những đề xuất, kiến nghị về việc BLTTHS 2003 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

1) Xác định rõ các chủ trương, định hướng của Đảng có liên quan đến Pháp luật tố tụng hình sự tại các văn kiện Đại hội Đảng, các Nghị quyết của Bộ Chính trị (Nghị quyết 08, 48, 49) về chủ trương chung đối với các hoạt động tư pháp và với từng cơ quan tiến hành tố tụng;

2) Kiến nghị sửa đổi, bổ sung BLTTHS 2003 một cách toàn diện, căn bản đối với 80 nội dung cụ thể liên quan đến gần 100 Điều cụ thể

trên tổng số 346 Điều của BLTTHS 2013, bao gồm:

- Bổ sung nguyên tắc suy đoán vô tội với các nội dung cụ thể của nguyên tắc;

- Sửa đổi, bổ sung các Điều: 4, 6, 11, 19 liên quan đến các quyền cơ bản của công dân, các Điều: 35, 36 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, các Điều: 48, 49, 50 về người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, Điều 51 về người bị hại, Điều 56, 57 về người bào chữa, các Điều 64, 65, 66 về chứng cứ, Điều 76 về xử lý vật chứng, các Điều: 80, 81, 86, 88, 89 về bắt giữ, tạm giam, tạm giữ, các Điều: 91, 94 về các biện pháp ngăn chặn, các Điều: 101, 103 về tố giác và tin báo về tội phạm, các Điều: 104, 105, 107, 108 về khởi tố vụ án hình sự, các Điều từ 110 đến 121, 126, 127, 131 về trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan tố tụng trong quá trình điều tra, Điều 166 về thời hạn truy tố, Điều 167 về bản cáo trạng, Điều 176 về thời hạn chuẩn bị xét xử, Điều 177 về áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, các Điều: 181, 189, 234 và 239 về Viện kiểm sát, kiểm sát viên, cách xác định thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát, các Điều: 196, 248, 249, 247, 256 về giới hạn của việc xét xử, thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm, thủ tục phiên tòa phúc thẩm, thủ tục đưa ra thi hành bản án và quyết định của Tòa án, các Điều: 257, 259, 260, 261, 262, 267 về thi hành bản án và quyết định của Tòa án, các Điều

273, 274, 279, 281, 283, 284 về giám đốc thẩm, Điều 301. Phạm vi áp dụng, Khoản 1, 2 Điều 303. Bắt, tạm giữ, tạm giam, các Điều: 304, 305, 306, 307 về việc xét xử, giám sát đối với người chưa thành niên phạm tội, việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường, tổ chức, Điều 313. Quyết định của Viện kiểm sát sau khi kết thúc điều tra, Bổ sung Điều 324a. Thủ tục rút gọn trong giai đoạn xét xử, Điều 324b, Điều 324c về thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Điều 342, Từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp;

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa và quyền, nghĩa vụ của các chủ thể tố tụng; sửa đổi, bổ sung quy định về xác định thời điểm có hiệu lực pháp luật của bản án sơ thẩm;

- Đề xuất bổ sung Điều (mới) về kiến nghị khởi tố và việc giải quyết kiến nghị khởi tố và bổ sung chế định miễn tố.

Mặc dù tổng số các điều mà Báo cáo nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung chỉ chiếm gần 30% tổng số điều của BLTTHS 2003, tuy nhiên, nội dung của các Điều khoản trên cũng như các phân tích và cơ sở đề xuất cho việc sửa đổi, bổ sung này cho thấy việc sửa đổi các Điều khoản này nếu được chấp thuận sẽ làm thay đổi nhiều nội dung cơ bản của BLTTHS 2003./.

Đầu mối liên hệ: Ban Nội chính TW, ĐT: 0989921579, email: hoaibac1@gmail.com

Quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi)

Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 chỉ quy định việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với thể nhân mà không quy định trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với pháp nhân. Trong điều kiện đổi mới kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp ngày càng mở rộng và phát triển với quy mô lớn, đòi hỏi phải có khung pháp luật phù hợp điều chỉnh đối với các hoạt động của những tổ chức, doanh nghiệp này, trong đó có các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Đặc biệt, trong lĩnh vực kinh tế, các vi phạm pháp luật như đầu cơ, trốn thuế, kinh doanh trái phép, buôn lậu hoặc vi phạm các

quy định về hoạt động ngân hàng, chứng khoán, môi trường, bảo hộ lao động... đòi hỏi phải quy định TNHS đối với pháp nhân.

Cũng như Việt Nam, trên thế giới cũng đã tồn tại quan niệm truyền thống là pháp nhân không có yếu tố tâm lý (yếu tố lỗi), nên không thể là đối tượng đánh giá trong luật hình sự. Tuy nhiên, các tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền... xảy ra ngày càng nghiêm trọng, trong đó vai trò pháp nhân chủ yếu thay thế cho cá nhân trong việc thực hiện tội phạm... thì quan niệm chỉ có TNHS cá nhân đã được thay đổi nhanh chóng, nhất là thời

gian nửa sau thế kỷ hai mươi ở cả mức độ pháp luật quốc tế lẫn quốc gia.

Nhiều công ước quốc tế đã quy định nghĩa vụ của quốc gia thành viên ghi nhận TNHS của pháp nhân hoặc pháp nhân trong pháp luật quốc gia, như: Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, Công ước Cộng đồng châu Âu về chống tham nhũng...

Qua nghiên cứu các học thuyết cho thấy, dù có cách lý giải khác nhau về TNHS của pháp nhân, nhưng các học thuyết có những điểm chung là:

- Pháp nhân luôn phải chịu TNHS thông qua hành vi phạm tội của thể nhân. Không có hành vi của thể nhân thì không có TNHS của pháp nhân;

- Giữa pháp nhân và thể nhân tồn tại mối quan hệ ràng buộc nhất định. Pháp nhân phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của thể nhân khi người đó thực hiện hành vi nhân danh pháp nhân, thay mặt pháp nhân hoặc chịu sự giám sát và vì lợi ích của pháp nhân. Đồng thời thể nhân đó thực hiện hành vi trong phạm vi chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được pháp nhân giao;

- Việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân đã thực hiện hành vi cấu thành tội phạm cụ thể.

Từ góc độ thực tiễn Việt Nam, tính cấp thiết của việc quy định TNHS của pháp nhân được luận giải bằng các yếu tố:

(1) Sự hình thành và phát triển của cơ chế kinh tế thị trường với sự tham gia bình đẳng của các thành phần kinh tế.

(2) Trong xã hội Việt Nam, việc điều hành, quản lý được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách...

(3) Việc không truy cứu TNHS đối với pháp nhân sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của việc xử lý vi phạm pháp luật, việc giải quyết việc bồi

thường thiệt hại, khắc phục hậu quả vật chất cũng như tinh thần do tội phạm gây ra.

(4) Việc không truy cứu TNHS đối với pháp nhân trong nhiều trường hợp đã gây nên những khó khăn trong việc xử lý vi phạm.

(5) Việc không quy định TNHS của pháp nhân đang tạo ra sự thiếu thống nhất của hệ thống pháp luật và sự bất bình đẳng, thiếu công bằng trong xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật. Cùng một hành vi phạm tội, nhưng với các chủ thể khác nhau thì được xử lý khác nhau từ góc độ định tội danh cũng như biện pháp TNHS.

Hơn nữa, hành vi phạm tội của pháp nhân được thực hiện thông qua hành vi của một hay nhiều cá nhân là thành viên của pháp nhân đó. Các cá nhân đó thực hiện hành vi phạm tội nhân danh, thay mặt, vì lợi ích của pháp nhân. Thế nhưng, nếu pháp luật hình sự quy định cá nhân đó có thể phải chịu TNHS, còn pháp nhân có thể được hưởng lợi từ hành vi đó lại không phải chịu TNHS là bất hợp lý, thiếu thuyết phục. Vô hình dung trở thành sự khuyến khích cho những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của pháp nhân.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn, với xu thế quy định TNHS của pháp nhân ngày càng phổ biến trên thế giới cho thấy quy định TNHS của pháp nhân là một nhu cầu cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam nhằm đáp ứng các mục đích: 1/ ngăn ngừa vi phạm pháp luật nghiêm trọng ngày càng phổ biến của pháp nhân; 2/ đảm bảo xử lý hiệu quả, công bằng, bình đẳng đối với công dân, pháp nhân trước pháp luật; 3/ đảm bảo tính hệ thống trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Những nội dung cơ bản cần quy định trong Bộ luật hình sự về TNHS của pháp nhân bao gồm: cơ sở và nguyên tắc TNHS của pháp nhân, hình phạt đối với pháp nhân phạm tội, loại pháp nhân phải chịu TNHS, loại tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS./

Đầu mối liên hệ: Tòa án nhân dân tối cao

Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu về hình sự hoá và phi hình sự hoá hành vi và kiến nghị cho việc sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999

Hình sự hoá hoặc phi hình sự hoá đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội là vấn đề luôn được đặt ra trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách hình sự của mỗi quốc gia nhằm bảo đảm sự phù hợp của chính sách hình sự với yêu cầu bảo vệ quyền con người, với điều kiện phát triển nội tại của mỗi đất nước về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội cũng như với xu hướng phát triển chung của thế giới. Đặc biệt, đối với Việt Nam đang trong thời kỳ chuyển đổi kinh tế, mở rộng hội nhập quốc tế và không ngừng phát triển về mọi mặt, thì nghiên cứu để phi hình sự hoá các hành vi không còn phù hợp và hình sự hoá các hành vi vi phạm mới phát sinh là hết sức cần thiết. Điều này thể hiện dưới một số góc độ như sau:

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang mang lại những lợi ích to lớn cho Việt Nam, nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết, trong đó có vấn đề về đấu tranh phòng chống tội phạm. Một số quy định của BLHS hiện hành không còn phù hợp với điều kiện phát triển của nền kinh tế thị trường (ví dụ như tội đầu cơ; tội cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng) có thể cân nhắc lược bỏ; nhiều tội phạm mới phát sinh chưa được kịp thời bổ sung hoặc tuy đã được bổ sung nhưng chưa đầy đủ, toàn diện như: các tội phạm phát sinh trong lĩnh vực thuế, tài chính, chứng khoán, tài nguyên, khoáng sản, vệ sinh an toàn thực phẩm,... Những hạn chế này ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của nền kinh tế cũng như hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ hai, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, một số hành vi nguy hiểm cho xã hội phát sinh trên thực tế, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền con người, gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, gây bức xúc trong dư luận xã hội, nhưng không thể xử lý vì chưa

được pháp luật quy định, hoặc chỉ có thể xử lý vi phạm hành chính hoặc các chế tài pháp lý khác mà không xử lý hình sự do Bộ luật hình sự chưa điều chỉnh, ví dụ như hành vi bóc lột sức lao động trẻ em; hành vi chiếm đoạt, mua bán trái phép mô tạng, các bộ phận cơ thể người, thai nhi; hành vi không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động;.... Bên cạnh đó, đối với một số hành vi, việc xử lý hình sự là quá nặng và không phù hợp với điều kiện phát triển mới của xã hội, cần nghiên cứu để phi hình sự hoá.

Thứ ba, trong bối cảnh đất nước ta đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, bao gồm cả trong lĩnh vực tư pháp hình sự, Việt Nam đã tham gia nhiều điều ước đa phương về phòng chống tội phạm như Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Công ước chống tham nhũng; Các điều ước quốc tế về bảo vệ trẻ em,... Tuy nhiên, Bộ luật hình sự hiện hành chưa phản ánh được một cách đầy đủ, toàn diện những đặc điểm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện hội nhập quốc tế, chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm nói chung và thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước ta với các nước nói riêng. Nội luật hóa các quy định mang tính bắt buộc trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và có biện pháp đảm bảo thực thi hiệu quả các cam kết này cũng là một yêu cầu được đặt ra trong quá trình sửa đổi BLHS.

Như vậy, việc nghiên cứu hình sự hoá một số hành vi nguy hiểm cho xã hội cũng như phi hình sự hoá một số hành vi theo quy định của BLHS 1999 là thực sự cần thiết nhằm bảo đảm một Bộ luật hình sự phù hợp với điều kiện phát triển mới về mọi mặt của đất nước, thúc đẩy nền kinh tế phát triển, bảo vệ quyền con người, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết số 49/NQ-TƯ năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược cải cách tư pháp là hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự nhằm “khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội

nhập quốc tế.”. Đây cũng là một trong những nội dung lớn cần sửa đổi, bổ sung lần này đã được Chính phủ thông qua.

Mục đích của việc nghiên cứu là phân tích rõ sự cần thiết của việc hình sự hoá và phi hình sự hoá đối với một hành vi cụ thể trong BLHS năm 1999 và đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung. Trong khuôn khổ kế hoạch công tác năm 2014 của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Bộ Tư pháp (Vụ Pháp luật hình sự hành chính) sẽ phối hợp với các chuyên gia độc lập tiến hành nghiên cứu theo phương pháp nghiên cứu đánh giá tại chỗ trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các tài liệu, báo cáo, công trình nghiên cứu liên quan đến hình sự hoá và phi hình sự hoá để xây dựng Báo cáo; đồng thời tổ chức 01 Hội thảo góp ý hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật Hình sự liên quan đến hình sự hoá và phi hình sự hoá, với các nội dung sau:

- Phân tích bất cập trong thực tiễn xử lý các hành vi vi phạm và sự cần thiết hình sự hoá hoặc phi hình sự hoá đối với một số hành vi cụ thể. Việc nghiên cứu hình sự hoá hình sự hoá tập trung vào một số loại hành vi vi phạm xuất hiện trong nền kinh tế thị trường, trong đảm bảo an toàn và trật tự xã hội, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân theo tinh thần qui định tại Hiến pháp sửa đổi năm 2013 và tuân thủ/nội luật hoá các nguyên tắc quy định tại các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia: Công ước về quyền dân sự chính trị, Quyền trẻ em, công ước phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước chống tham nhũng, v.v...

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể của BLHS về hình sự hoá và phi hình sự hoá, những hành vi nào cần được hình sự hoá, những hành vi nào cần loại bỏ khỏi BLHS và hướng xử lý.

- Các điều luật cụ thể về các hành vi được hình sự hoá./.

Đầu mối liên hệ: Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp

Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về tội phạm trong lĩnh vực môi trường

Xây dựng môi trường sống bền vững là vấn đề sống còn của mỗi quốc gia trên thế giới, trong đó bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng, cốt lõi, có tính xã hội sâu sắc. Nhiệm vụ này có quan hệ mật thiết với các vấn đề phát triển của xã hội như khai thác tài nguyên, chuyển giao công nghệ, xóa đói giảm nghèo, tạo nguồn lực, công việc làm và gắn liền với đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ trên phạm vi toàn thế giới. Bảo vệ môi trường ngày càng được coi trọng ở tất cả các nước trên thế giới.

Đối với Việt Nam, là một nước đang trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vấn đề bảo vệ môi trường luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Các văn bản liên quan đến bảo vệ môi trường đã được ban hành như Luật Bảo vệ môi trường; Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công

tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết của Bộ Chính trị số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các văn bản này là cơ sở pháp lý quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường. Và theo quy định pháp luật thì các hành vi xâm hại nghiêm trọng tới môi trường sẽ bị xử lý theo pháp luật hình sự.

Bộ luật hình sự năm 1999 đã dành hẳn một chương (Chương XVII) quy định về các tội phạm môi trường. Năm 2009, các quy định này đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn về đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm về môi trường có những diễn biến phức tạp. Vi phạm pháp luật môi trường diễn ra ở hầu khắp các lĩnh vực kinh

tế, xã hội như hành vi xả thải của Công ty Vedan Việt Nam, Công ty Tungkuang, Công ty TNHH Miwon; hành vi nhập khẩu trái phép chất thải, hành vi nhập rác thải sinh hoạt, các loại chất dioxin, kể cả chất có phóng xạ; tình trạng săn bắn, buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã, quý hiếm diễn ra công khai ở nhiều nơi. Do đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển kinh tế của đất nước, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân, cá biệt tại một số địa phương các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường đã trở thành mầm mống mất an ninh trật tự.

Trước những vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường diễn ra phổ biến và thường xuyên như hiện nay đòi hỏi cần có chế tài hình sự nghiêm khắc hơn nữa để xử lý hiệu quả các hành vi vi phạm. Tuy nhiên, trên thực tế việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ luật hình sự là hết sức khó khăn do quy định của Bộ luật hình sự còn tồn tại nhiều bất cập.

Trong số 11 tội danh được quy định tại Chương XVII – Các tội phạm về môi trường thì có tới 08 tội danh quy định tình tiết “làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng” hoặc “gây hậu quả nghiêm trọng” là yếu tố định tội, làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội. Điều này đã gây khó khăn, lúng túng cho các cơ quan tiến hành tố tụng khi áp dụng:

Thứ nhất, thiệt hại về môi trường rất khó được chứng minh đầy đủ do môi trường được cấu thành bởi nhiều yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau, các thiệt hại về môi trường không có biểu hiện một cách trực tiếp, ngay tức khắc mà có quá trình diễn biến, ảnh hưởng lâu dài. Do đó, để chứng minh thiệt hại về môi trường cần phải có thời gian và cần phải xác định sự tác động của hành vi tới các yếu tố của môi trường. Đây là khó khăn rất lớn.

Thứ hai, hậu quả mà con người phải gánh chịu từ hành vi ô nhiễm hoặc suy thoái môi trường có thể trực tiếp và có thể gián tiếp hoặc do sự cộng hưởng của những nguyên nhân khác. Trên thực tế rất khó xác định đối với thiệt hại môi trường do sự tác động đồng thời của nhiều người, nhiều nguyên nhân, đặc biệt khi các tác động này mang tính tiềm ẩn, đan xen nhau hoặc trong trường hợp thiệt hại môi trường do hành vi phạm tội gây ra lại nằm trong số các thiệt hại do sự cố môi trường, sự biến đổi môi trường gây ra.

Thứ ba, trong một số trường hợp không thể xác định được ngay mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, bởi vì hậu quả xảy ra có thể do nhiều nguyên nhân gây ra hoặc hậu quả không xảy ra ngay sau khi hành vi phạm tội đã được thực hiện mà phải trải qua một thời gian rất dài mới nảy sinh, xuất hiện. Bên cạnh đó, hậu quả đối với tính mạng, sức khỏe của con người hoặc những thiệt hại về tài sản (cây trồng, vật nuôi ...) không chỉ phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà còn phụ thuộc vào khả năng phát hiện, đối phó với các sự cố môi trường của các cơ quan nhà nước. Trong trường hợp này, việc xác định mức độ nghiêm trọng của hậu quả gặp nhiều khó khăn.

Thứ tư, các tiêu chí xác định tính chất ít nghiêm trọng hay nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng của các hành vi vi phạm pháp luật môi trường ở nước ta chưa được hình thành, chẳng hạn như việc phân loại thiệt hại môi trường, tính chất, phạm vi, mức độ ảnh hưởng của các thiệt hại này đến môi trường và đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội.

Ngoài ra, quy định của Bộ luật hình sự về chủ thể của tội phạm còn tồn tại những điểm hạn chế trong việc xử lý tội phạm về môi trường. Theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành, việc truy cứu trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với thể nhân mà không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân, nhưng thực tiễn, các vi phạm pháp luật chủ yếu do pháp nhân thực hiện. Do đó, nhiều trường hợp không xử lý được về hình sự đối với những hành vi vi phạm pháp luật môi trường.

Với những bất cập nêu trên, cho thấy việc nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về tội phạm trong lĩnh vực môi trường là rất cần thiết. Mục đích của việc nghiên cứu là chỉ rõ những hạn chế, bất cập trong quy định của BLHS về tội phạm môi trường, trên cơ sở đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định này, đặc biệt, hoàn thiện quy định của BLHS về chủ thể của tội phạm trong lĩnh vực môi trường, các yếu tố cấu thành tội phạm và hoàn thiện hệ thống hình phạt áp dụng đối với tội phạm môi trường nhằm tăng cường hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực môi trường. Do vậy, trong khuôn khổ kế hoạch công tác năm 2014 của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” do UNDP tài trợ, Bộ Tư pháp (Vụ Pháp

luật hình sự hành chính) sẽ hội hợp với các chuyên gia độc lập để tiến hành nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự trong lĩnh vực môi trường và tổ chức 01 Hội thảo góp ý hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

Báo cáo sẽ nghiên cứu hoàn thiện các quy định của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực môi trường, cụ thể là:

- Xem xét, phân tích những hạn chế, bất cập đối với các quy định của BLHS hiện hành về tội phạm trong lĩnh vực môi trường; chú ý phân tích trong tổng thể qui định pháp luật Việt Nam về xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường (từ dân sự, hành chính tới hình sự). Việc đánh giá những bất cập, hạn chế các quy định của BLHS cần được xem xét một cách tổng thể, đặt trong mối tương quan với các quy định của pháp luật có liên quan như quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường; quy định về Luật bảo vệ môi trường, qua đó làm rõ các loại hành vi/vi phạm và mức độ nghiêm trọng cần xử lý hình sự, các biện pháp/chế tài bổ sung để đảm bảo hiệu quả thực thi của các qui định hình sự.

- Đề xuất hoàn thiện các quy định của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực môi trường, đặc biệt là các quy định liên quan đến chủ thể tội phạm môi trường, các yếu tố cấu thành tội phạm và các chế tài hình sự áp dụng đối với tội phạm trong lĩnh vực môi trường nhằm đảm bảo hiệu quả thực thi của BLHS.

Báo cáo đánh giá toàn diện những hạn chế, bất cập của quy định BLHS về chủ thể của tội phạm môi trường, các yếu tố cấu thành tội phạm và chế tài hình sự áp dụng đối với tội phạm trong

lĩnh vực môi trường. Trên cơ sở những phân tích này, Báo cáo sẽ đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực môi trường nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực này. Cụ thể Báo cáo gồm các mục sau:

- Đánh giá những bất cập, hạn chế của pháp luật hình sự về tội phạm trong lĩnh vực môi trường bao gồm 02 tiểu mục: 1) Những hạn chế, bất cập trong quy định của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực môi trường: xu hướng tội phạm, các loại hành vi vi phạm chủ yếu, mức độ nghiêm trọng; 2) Thực tiễn và những hạn chế, bất cập trong triển khai thi hành quy định của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực môi trường: khả năng áp dụng qui định xử lý hình sự với vi phạm về môi trường (khó khăn về pháp lý, khó khăn về kỹ thuật – giám định, bằng chứng kỹ thuật.v.v.).

Việc đánh giá những bất cập, hạn chế của pháp luật hình sự về tội phạm môi trường cần được đối chiếu so sánh với các quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, pháp luật dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường và pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung.

- Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực môi trường.

- Dự thảo các điều luật của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực môi trường theo các phương án được đề xuất, kiến nghị./.

Đầu mối liên hệ: Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp

Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu đánh giá tổng quan dự án Luật Hộ tịch dưới góc độ bảo vệ quyền con người

Tôn trọng, bảo vệ quyền con người là vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm, bảo đảm thực hiện, nhất là trong điều kiện Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người¹.

¹ Việt Nam là thành viên của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa; Công ước quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ; Công ước quốc tế về quyền trẻ em v.v...

Hầu hết các quyền con người trong các điều ước quốc tế đó đã và đang được nội luật hóa, thể hiện ngày càng đầy đủ, rõ nét trong Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, với sự tương thích cao nhất. Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Điều 14). Để cụ thể hóa quy

định này và nhiều quy định liên quan khác của Hiến pháp, nhằm bảo đảm sự tương thích cao nhất với các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, hiện nay Việt Nam đang tiến hành rà soát tổng thể hệ thống pháp luật, nhằm sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Quyền được xác định họ tên, xác định dân tộc, quốc tịch; quyền kết hôn; quyền nhận/không nhận cha, mẹ, con; quyền được thay đổi họ, tên, ... là những quyền cơ bản, quan trọng về nhân thân của con người, đã được ghi nhận trong Hiến pháp và các đạo luật cơ bản của Nhà nước Việt Nam.

Để thực hiện quyền của mình, cá nhân có trách nhiệm đăng ký hộ tịch². Đăng ký và quản lý hộ tịch là hoạt động có ý nghĩa quan trọng đối với cả người dân và Nhà nước. Thông qua hoạt động đăng ký hộ tịch, các sự kiện hộ tịch cơ bản³ của mỗi người từ khi sinh ra đến khi chết, được xác nhận về mặt pháp lý. Việc đăng ký hộ tịch còn tạo cơ sở pháp lý để người dân hưởng các quyền con người, quyền công dân, thông qua đó giúp cho Nhà nước bảo hộ tốt hơn các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Thực hiện đăng ký và quản lý hộ tịch tốt, hiệu quả, chính xác, đầy đủ và kịp thời sẽ giúp Nhà nước quản lý dân cư một cách chính xác, từ đó có biện pháp xây dựng, hoạch định và phát triển chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước một cách hợp lý, hiệu quả nhất. Chính vì vậy, các quốc gia luôn coi đăng ký và quản lý hộ tịch là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, và do đó, luôn quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch.

Ở Việt Nam, từ sau khi giành được chính quyền (Cách mạng tháng Tám năm 1945) đến nay, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm duy trì và phát triển công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, từng bước hoàn thiện các quy định pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch⁴. Công tác đăng ký, quản lý

hộ tịch góp phần quan trọng vào sự ổn định, trật tự an toàn xã hội; hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch và đội ngũ cán bộ làm công tác hộ tịch từ Trung ương đến cấp xã luôn được củng cố, kiện toàn; hệ thống sổ sách về hộ tịch được lưu trữ, sử dụng lâu dài; thủ tục hành chính trong đăng ký và quản lý hộ tịch có sự cải cách một bước, ngày càng thuận lợi cho người dân; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký hộ tịch được triển khai ở một số địa phương; đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài có chuyển biến tích cực...

Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước bước sang giai đoạn phát triển mới, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng, việc dịch chuyển dân cư trong nước và quốc tế ngày càng gia tăng, quyền con người, quyền công dân đòi hỏi được ghi nhận và bảo đảm thực hiện ở mức cao hơn..., nên công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Về thể chế, hệ thống quy phạm pháp luật về hộ tịch chưa đồng bộ, thống nhất, hiệu lực pháp lý chưa cao. Về thủ tục, thẩm quyền và phương thức đăng ký hộ tịch còn phức tạp, chưa tạo thuận lợi nhiều cho người dân (phương thức còn thủ công, người dân phải xuất trình/nộp nhiều loại giấy tờ, thủ tục hành chính phức tạp, thẩm quyền còn tản mát ở cả ba cấp, chi phí xã hội lớn v.v...).

Những hạn chế trên đây không những làm giảm cơ hội hưởng quyền của người dân, trong chừng mực nhất định còn tác động kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước.

Nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII, Bộ Tư pháp đã triển khai xây dựng dự án Luật Hộ tịch. Mục tiêu cơ bản của dự án Luật Hộ tịch là cải cách thủ tục hành chính theo hướng hiện đại, đơn giản hóa giấy tờ, giảm chi phí để tạo thuận lợi cao nhất cho người dân trong đăng ký hộ tịch. Qua đó góp phần bảo

² Ví dụ, trẻ em khi sinh ra thì được xác định họ tên, dân tộc, quốc tịch, cha, mẹ đẻ ... thông qua đăng ký khai sinh (do cha, mẹ, người thân thích thực hiện); con (ngoài giá thú) thực hiện quyền nhận cha, mẹ thông qua đăng ký nhận cha, mẹ, con (trực tiếp thực hiện nếu có đủ năng lực hành vi dân sự, do người đại diện theo pháp luật nếu chưa thành niên hoặc năng lực hành vi dân sự hạn chế); nam, nữ thực hiện quyền kết hôn thông qua đăng ký kết hôn...

³ Cuộc đời của mỗi người đều có các sự kiện hộ tịch được ghi nhận, như: khai sinh (đánh dấu sự ra đời), kết hôn, ly hôn (đánh dấu về tình trạng hôn nhân), khai tử (chấm dứt sự tồn tại). Ngoài ra, tùy hoàn cảnh, cá nhân còn có thể có các sự kiện: nuôi con nuôi, giám hộ (thay đổi, chấm dứt việc giám hộ), thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính...

⁴ Đến nay, Chính phủ đã ban hành 08 Nghị định điều chỉnh việc đăng ký hộ tịch (cả hộ tịch trong nước và hộ tịch có yếu tố nước ngoài), bao gồm: Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch; Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số

35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27/3/2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình đối với các dân tộc thiểu số; Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP; Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch; Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân gia đình và chứng thực; Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

đảm, thúc đẩy thực thi các quyền nhân thân của con người, của công dân.

Với tính chất là đạo luật về thủ tục, Luật Hộ tịch không quy định lại những quyền nhân thân cơ bản của cá nhân – là những quyền đã được quy định khá đầy đủ và rõ ràng trong các đạo luật về nội dung có tính chuyên ngành (như Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Quốc tịch, Luật Nuôi con nuôi v.v...). Luật Hộ tịch chủ yếu quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký các việc về hộ tịch. Nói cách khác, Luật Hộ tịch định ra những biện pháp, công cụ, cách thức để bảo đảm thực hiện các quyền nhân thân của cá nhân. Đó là: quyền được xác định họ tên, dân tộc, quốc tịch; quyền kết hôn; quyền nhận/không nhận cha, mẹ, con; quyền được thay đổi/cải chính hộ tịch... Đây là những quyền cơ bản, gắn liền với nhân thân mỗi con người, đã được ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, cũng như trong các điều ước quốc tế về quyền con người.

Như vậy, với tính chất là luật thủ tục, Luật Hộ tịch có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy, tăng cường và bảo đảm tính khả thi các quyền con người. Mức độ bảo đảm quyền nhân thân của con người đến đâu, phụ thuộc rất lớn vào các đạo luật về thủ tục, trong đó có Luật Hộ tịch. Nếu quy định về thẩm quyền, thủ tục theo hướng đơn giản, thuận lợi, dễ dàng cho người dân, cải cách hành chính mạnh mẽ, giảm bớt giấy tờ, chi phí..., thì cơ hội để người dân hưởng quyền càng lớn và mức độ bảo đảm quyền càng cao. Ngược lại, nếu thẩm quyền khó khăn, xa dân, thủ tục cứng nhắc, phức tạp, phiền hà, thì cơ hội hưởng quyền của người dân càng ít và mức độ bảo đảm quyền càng thấp.

Xuất phát từ cơ sở đó, thì việc nghiên cứu, đánh giá một cách tổng quan về dự án Luật Hộ tịch dưới góc độ bảo vệ quyền con người, là rất cần thiết.

Dự án Luật Hộ tịch đã hai lần trình xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tháng 8/2012 và tháng 8/2013). Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo Luật tiếp tục được chỉnh lý, hoàn thiện, trình xin ý kiến Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2014) và hoàn thiện trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2014).

Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, tiếp theo

những kết quả của hoạt động năm 2013⁵, nhằm đánh giá một cách tổng quan các quy định của dự án Luật Hộ tịch dưới góc độ bảo vệ quyền con người, đặc biệt với tính chất là phương thức, công cụ để bảo đảm thực hiện các quyền nhân thân cơ bản của cá nhân, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp, tiến hành Nghiên cứu ***"Đánh giá tổng quan dự án Luật Hộ tịch dưới góc độ bảo vệ quyền con người"***.

Để tiến hành các hoạt động, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực sẽ phối hợp với chuyên gia nước ngoài và chuyên gia trong nước thực hiện nghiên cứu, so sánh, đánh giá một cách tổng quát nhất các quy định của dự án Luật Hộ tịch trong mối liên hệ với các quyền con người được quy định trong Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Pháp luật Việt Nam được liên hệ là Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Quốc tịch, Luật Nuôi con nuôi, Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Luật Bình đẳng giới và các luật khác liên quan.

Trên cơ sở kết quả so sánh, đánh giá, rút ra những nhận định về mức độ phù hợp, tương thích/chưa phù hợp, thiếu tương thích, từ đó đề xuất cách thức chỉnh lý, bổ sung, chuyển tải/thể hiện trong dự án Luật Hộ tịch để bảo đảm phù hợp, tương thích, thống nhất và có tính khả thi cao nhất. Yêu cầu xuyên suốt toàn bộ quá trình nghiên cứu, so sánh, đánh giá là luôn phải đặt lợi ích của người dân lên trên, lấy thuận lợi cho người dân làm tiêu chí cơ bản để xây dựng, xác định cho mọi ý tưởng cải cách về thẩm quyền, trình tự thủ tục đăng ký hộ tịch.

Mục tiêu cơ bản của nghiên cứu

Tiến hành so sánh, đánh giá để rút ra được những điểm phù hợp/tương thích, những điểm chưa phù hợp/chưa tương thích của dự án Luật Hộ tịch trong mối tương quan với các quy định của Hiến pháp 2013, các luật liên quan và điều ước quốc tế (Việt Nam là thành viên) về quyền con người, quyền công dân, từ đó đề xuất/kiến nghị chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện nhằm bảo đảm, thúc đẩy quyền con người, quyền công dân.

Các mục tiêu cụ thể

⁵ Năm 2013, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực Bộ Tư pháp đã thực hiện thành công Tiểu dự án “Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân trong dự án Luật Hộ tịch”.

Thứ nhất, đánh giá về mức độ cụ thể hóa, quan điểm cải cách hành chính nhằm bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân trong dự án Luật Hộ tịch.

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích, tìm ra những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong nội tại hệ thống pháp luật hiện hành về hộ tịch và các lĩnh vực có liên quan, qua đó rút ra những bất cập đối với người dân khi thực hiện quyền của mình (những hạn chế trong cơ chế thực thi, bảo đảm quyền của công dân; những khó khăn mà người dân đang gặp phải, những chi phí tốn kém, tính kém/ít khả thi của các thủ tục đăng ký hộ tịch theo pháp luật hiện hành...); tìm ra nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó (nguyên nhân khách quan, chủ quan; nguyên nhân bên ngoài, bên trong...).

Thứ ba, nghiên cứu, đánh giá về mức độ bảo đảm thực thi quyền con người thông qua ý

tưởng/quan điểm cải cách trong dự án Luật Hộ tịch (về thẩm quyền, về thủ tục hành chính, về đổi mới phương thức đăng ký/quản lý hộ tịch, về khả năng/cơ hội bảo đảm việc thúc đẩy thực hiện quyền công dân thông qua đăng ký hộ tịch theo hướng hiện đại...), so sánh với các quy định của Hiến pháp, pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế (Việt Nam là thành viên) liên quan đến quyền con người; tham khảo, tiếp thu các kinh nghiệm quốc tế trong việc hiện đại hóa công tác đăng ký, quản lý hộ tịch (thông qua báo cáo của chuyên gia quốc tế)

Thứ tư, đưa ra những đề xuất/kiến nghị chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Luật; phương thức, điều kiện bảo đảm thực thi Luật sau khi được thông qua nhằm bảo đảm cao nhất quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực hộ tịch../

Đầu mối liên hệ: Cục Hộ tịch – Quốc tịch và Chứng thực, Bộ Tư pháp. Điện thoại: 0903434426, email: hoatl@moj.gov.vn

Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu, khảo sát và đề xuất hoàn thiện quy định về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân trong Bộ luật dân sự

Bộ luật dân sự năm 2005 (BLDS) được Quốc hội khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 7 (ngày 14 tháng 6 năm 2005). Sau 8 năm thi hành, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực triển khai thực hiện Hiến pháp 2013 thì BLDS hiện hành đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Do đó, theo Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành soạn thảo dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi).

Liên quan đến cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân, Điều 9 BLDS đã quy định nguyên tắc: tất cả các quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ; khi quyền dân sự của một chủ thể bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền tự bảo vệ theo quy định của Bộ luật này hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền: (i) Công nhận quyền dân sự của mình; (ii) Buộc chấm dứt hành vi vi phạm; (iii) Buộc xin lỗi, cải chính công khai; (iv) Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; (v) Buộc bồi thường thiệt hại.

Nguyên tắc này đã được cụ thể hóa trong một số quy định về quyền nhân thân, quyền sở hữu, chiếm hữu, trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng... Tuy nhiên, nội dung của những quy định trên chỉ dừng lại ở mức chung nhất và không tránh khỏi những khiếm khuyết và bất cập trong quá trình vận dụng và áp dụng trong thực tế cuộc sống, chẳng hạn:

- Quy định của Bộ luật về quyền nhân thân của cá nhân còn mang tính liệt kê (26 quyền), dẫn tới vừa không bao quát được đầy đủ các quyền, lợi ích nhân thân của cá nhân trên thực tế vừa không bảo đảm tính ổn định trong quy định của BLDS, đặc biệt trong một số quy định có tính nhạy cảm cao hoặc chưa được hướng dẫn cụ thể như: Quyền xác định lại giới tính; Quyền hiến xác, bộ phận cơ thể sau khi chết; Quyền xác định lại dân tộc...

- Về quyền sở hữu: (i) một số quy định trong Chương XV – Bảo vệ quyền sở hữu còn chưa cụ thể, gây nên những cách hiểu khác nhau, ví dụ quy định tại Điều 258 về Quyền đòi lại động sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc bất động sản từ người chiếm hữu ngay tình; (ii) BLDS chưa có một chế định riêng về quyền của người

không phải là chủ sở hữu tài sản mà nội dung này mới chỉ được quy định mờ nhạt như là một nội dung của quyền sở hữu; (iii) BLDS chưa quy định về mối quan hệ giữa các quyền, hậu quả pháp lý trong việc xử lý các quyền. Cách quy định như vậy không đúng về bản chất pháp lý trong phân biệt giữa các quyền của chủ sở hữu với quyền của người không phải chủ sở hữu; không bao quát được hết các trường hợp cần được điều chỉnh liên quan đến quyền của người không phải là chủ sở hữu (ví dụ, quyền hưởng dụng, quyền ưu tiên, quyền cầm giữ...); không bảo đảm được các quyền, lợi ích hợp pháp của người không phải là chủ sở hữu; có thể tạo ra sự mất ổn định và an toàn pháp lý trong giao dịch.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, BLDS quy định người nào có lỗi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản mà gây thiệt hại thì phải bồi thường (Điều 604). Tuy nhiên, BLDS lại không quy định cụ thể người gây thiệt hại hay người có yêu cầu về bồi thường thiệt hại có trách nhiệm chứng minh về lỗi của người gây thiệt hại, trong khi đó nguyên tắc trong pháp luật tố tụng dân sự là nghĩa vụ chứng minh thuộc về người yêu cầu. Vì vậy, trong thực tiễn áp dụng, người có yêu cầu bồi thường thiệt hại thường có nghĩa vụ chứng minh người gây thiệt hại có lỗi, tạo ra một trách nhiệm pháp lý quá lớn, khó thực thi cho người bị thiệt hại trong nhiều trường hợp, ví dụ như bị thiệt hại do hàng hoá có khuyết tật hoặc do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra...

Những bất cập, hạn chế nói trên đã gây ra những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi hành pháp luật về thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản; trong nhiều trường hợp đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Do đó, trong quá trình sửa đổi BLDS, việc nghiên cứu khảo sát và đề xuất hoàn thiện các quy định này là rất cần thiết. Hoạt động nghiên cứu cần phải được tiến hành một cách bài bản, khoa học, đánh giá toàn diện các tác động của những quy định trên đối với xã hội, các đối tượng liên quan. Kết quả của hoạt động là cứ liệu quan trọng để cơ quan soạn thảo nắm bắt được những vấn đề phát sinh cần phải sửa đổi và bổ sung từ đó giúp cho việc xây dựng Dự thảo BLDS có thể đáp ứng được những yêu cầu và đòi hỏi của xã hội.

Trong khuôn khổ Kế hoạch hoạt động năm 2014 của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam” (do UNDP hỗ trợ), Tiểu dự án Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế sẽ phối hợp với

các chuyên gia trong nước có khả năng và kinh nghiệm phù hợp để tiến hành nghiên cứu khảo sát và đề xuất hoàn thiện các quy định về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân, phục vụ công tác xây dựng Bộ luật dân sự (sửa đổi) và hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam.

Mục tiêu chung: Hỗ trợ Bộ Tư pháp (Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế) trong việc nghiên cứu khảo sát thực tiễn thực hiện các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân; trên cơ sở đó, đưa ra những đề xuất hoàn thiện các quy định nêu trên phục vụ trực tiếp cho việc sửa đổi Bộ luật Dân sự.

Mục tiêu cụ thể:

- Tiến hành khảo sát, phân tích, nghiên cứu và đánh giá thực tiễn và những bất cập của BLDS trong việc triển khai các quy định pháp luật về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân, đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế về quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa tại các Công ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam là thành viên, cũng như phù hợp với các qui định mới của Hiến pháp 2013

- Tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật điều chỉnh các vấn đề này.

- Đề xuất những kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân, phục vụ công tác xây dựng BLDS (sửa đổi), hoàn thiện pháp luật dân sự về vấn đề trên.

Kết quả nghiên cứu, khảo sát này sẽ được sử dụng để làm tài liệu tham khảo phục vụ việc sửa đổi, bổ sung các quy định của BLDS về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân.

Nội dung báo cáo:

- *Thứ nhất*, nêu những hạn chế, bất cập trong quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân; phân tích, chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó;

- *Thứ hai*, kết quả khảo sát về một số vấn đề nổi cộm hiện nay trong thực tiễn thi hành các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân; tập hợp một số quan điểm, ý kiến khác nhau, đồng thời đưa

ra được tính cấp thiết của việc phải có quy phạm pháp luật điều chỉnh vấn đề này.

- *Thứ ba*, kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về xây dựng và hoàn thiện pháp luật dân sự về cơ chế thực hiện và bảo vệ quyền con người về nhân thân và tài sản.

- *Thứ tư*, những đề xuất cụ thể nhằm định hướng giải quyết những vướng mắc, tồn tại trong nội dung và thực tiễn thi hành các quy định của BLDS năm 2005 về cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền con người về nhân thân và tài sản của cá nhân nhằm đáp ứng được các yêu cầu khách quan của thực tiễn giao lưu dân sự/. nước ngoài về pháp luật. Xét trên bình diện

Đầu mối liên hệ: Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp.

Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu về mô hình tổ chức và hoạt động của Nhóm quan hệ đối tác pháp luật

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Một trong những thành tựu đáng kể nhất chính là việc đưa hàng triệu người dân Việt Nam thoát khỏi nghèo đói với việc GDP bình quân đầu người tăng từ 150 USD năm 1993 lên 1.258 USD năm 2011. Để đạt được thành tựu này, bên cạnh việc phát huy nội lực, Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ to lớn và có hiệu quả của các đối tác phát triển.

Trong giai đoạn tới đây, để tiếp tục huy động hỗ trợ của các đối tác phát triển cho công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, trong Văn kiện quan hệ đối tác Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tại Công văn số 831/VPCP-QHQT ngày 25/1/2013), Chính phủ Việt Nam và các Đối tác phát triển cam kết tăng cường các nhóm quan hệ đối tác theo ngành, lĩnh vực như là một phương tiện để điều phối đối thoại ở cấp ngành, các khoản đầu tư và để cải thiện các kết quả phát triển. Trên thực tế, Diễn đàn hiệu quả viện trợ (AEF) đã được thành lập và hoạt động ở cấp quốc gia; còn ở cấp ngành, theo Báo cáo đánh giá toàn diện 20 năm quan hệ hợp tác phát triển giữa Việt Nam và các nhà tài trợ (1993-2013) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 23 nhóm quan hệ đối tác ngành đã được thành lập và đi vào hoạt động; trong đó có Nhóm quan hệ đối tác Y tế, Nhóm quan hệ đối tác trong lĩnh vực tài chính công, Nhóm quan hệ đối tác trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng...

Trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, ngay từ những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, Việt Nam bắt đầu thiết lập hoạt động hợp tác với

chung, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật thời gian qua đã giúp Việt Nam tiếp cận được kinh nghiệm quốc tế và nước ngoài trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế thị trường, xác lập vị trí và uy tín trên trường quốc tế trong quá trình hội nhập và toàn cầu hóa. Tuy nhiên, việc vận động, thu hút cũng như điều phối các nguồn vốn tài trợ trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về pháp luật vẫn còn bất cập, chưa thật sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu và Văn kiện đối tác Việt Nam đã được phê duyệt.

Để thực hiện Văn kiện quan hệ đối tác Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra, với mục đích tạo ra một cơ chế thu hút, vận động, điều phối, nâng cao hiệu quả hỗ trợ, viện trợ của các đối tác nước ngoài cho công tác xây dựng và thực thi pháp luật, thực hiện cải cách tư pháp, cải cách pháp luật của Việt Nam, Bộ Tư pháp dự kiến thành lập Nhóm quan hệ đối tác pháp luật. Đây có thể coi là một diễn đàn để các cơ quan của Chính phủ Việt Nam và các đối tác có thể trao đổi, đối thoại, chia sẻ thông tin định kỳ về công tác cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, những phát triển mới trong lĩnh vực pháp luật, đồng thời cung cấp các thông tin cập nhật về các trợ giúp kỹ thuật, hiệu quả viện trợ và phối hợp hoạt động của các nhà tài trợ, đánh giá nhu cầu hợp tác của các cơ quan, tổ chức của Việt Nam cũng như mối quan tâm của các đối tác nước ngoài.

Để phục vụ cho việc nghiên cứu, thành lập Nhóm quan hệ đối tác pháp luật này, theo Kế hoạch hoạt động năm 2014 của Dự án "Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam" do UNDP tài trợ, Bộ Tư pháp (Vụ Hợp tác quốc tế) dự kiến thực hiện 02 hoạt động bao gồm:

- Phối hợp với các chuyên gia trong nước nghiên cứu về mô hình tổ chức và hoạt động Nhóm quan hệ đối tác pháp luật;

- Tổ chức hội thảo góp ý cho dự thảo Báo cáo nghiên cứu về mô hình tổ chức và hoạt động của Nhóm quan hệ đối tác pháp luật.

Báo cáo nghiên cứu của chuyên gia độc lập sẽ là tài liệu tham khảo quan trọng để Bộ Tư pháp xây dựng Đề án thành lập Nhóm quan hệ đối tác pháp luật.

Các hoạt động sẽ bao gồm:

- Tập hợp thông tin, số liệu, tài liệu về tình hình thu hút và sử dụng viện trợ nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp,

- Nghiên cứu, đánh giá mô hình tổ chức và thực hiện hoạt động của các Nhóm quan hệ đối tác ngành đã được thành lập và đang hoạt động,

- Nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức và hoạt động của Nhóm quan hệ đối tác pháp luật phù

hợp với đặc thù của hoạt động hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp.

Báo cáo nghiên cứu mô hình tổ chức và hoạt động của Nhóm quan hệ đối tác pháp luật sẽ có các nội dung cơ bản sau:

Phần 1. Tổng quan về tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật và công tác vận động, điều phối hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật

1. Tổng quan tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật

2. Tổng quan công tác vận động, điều phối hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật

Phần 2. Kinh nghiệm thành lập và hoạt động của các Nhóm quan hệ đối tác ngành.

Phần 3. Đề xuất mô hình tổ chức và hoạt động của Nhóm quan hệ đối tác pháp luật./.

Đầu mối liên hệ: Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp

Nghiên cứu đang tiến hành: Nghiên cứu khảo sát đánh giá về thực trạng bảo đảm bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ trong tiếp cận với các dịch vụ công của Ngành Tư pháp

Luật bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2010 – 2020 là những văn bản tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc bảo đảm bình đẳng giữa nam và nữ. Mục tiêu của Chiến lược nhằm bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Cơ hội tiếp cận các nguồn lực, sở hữu các phương tiện sản xuất và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội thường hạn chế hơn đối với phụ nữ. Sự thiếu hiểu biết pháp luật, định kiến giới, khả năng và chi phí đối với các dịch vụ là những rào cản hạn chế việc tiếp cận của phụ nữ đối với các dịch vụ tư pháp và rộng hơn là tiếp cận công lý. Những rào cản này cản trở phụ nữ trong việc khiếu nại và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ trên thực tế.

Bộ Tư pháp có chức năng thực hiện và giám sát một số các dịch vụ tư pháp cơ bản như đăng ký hộ tịch, công chứng, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hòa giải, thi hành án dân sự⁶. Các dịch vụ này có thể chia thành hai loại dịch vụ công, bao gồm: dịch vụ hành chính tư pháp và dịch vụ hỗ trợ tư pháp. Trước đây, các dịch vụ này bao gồm: đăng ký hộ tịch, công chứng và thi hành án dân sự, đến nay có thêm: hòa giải cơ sở, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý. Để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ này và rộng hơn là để bảo đảm bình đẳng giới trong việc tiếp cận các dịch vụ tư pháp, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch hoạt động về bình đẳng giới của ngành Tư pháp, giai đoạn 2011-2015, đặt ra các mục tiêu mang tính định hướng và các biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới phù hợp với Luật bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, và

⁶ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp ngày 13/3/ 2013.

rộng hơn là các cam kết của Việt Nam với tư cách là thành viên Công ước CEDAW và các công ước khác về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đáp ứng các yêu cầu trong việc thực hiện các dịch vụ công cũng như tăng cường sự tin tưởng của người dân, cần thiết phải đánh giá thực trạng hiện nay trong việc tiếp cận công lý của phụ nữ, bao gồm bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ, cụ thể trong việc tiếp cận và thực hiện các dịch vụ tư pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp. Các lĩnh vực hoạt động và thực tiễn tư pháp này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của công dân trên mọi lĩnh vực dân sự chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội được hiện thực hóa và được bảo vệ⁷. Các kết quả của đánh giá này sẽ được sử dụng để thông báo cho các nhà hoạch định chính sách về tình trạng hiện nay và đề xuất những thay đổi trong xây dựng thể chế và giúp tăng cường thực thi nhiệm vụ của Bộ Tư pháp và các Sở Tư pháp. Sau cùng, Bộ Tư pháp có thể sử dụng kết quả đánh giá này để xây dựng kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành Tư pháp giai đoạn 2016 – 2020.

Mục tiêu và các kết quả mong đợi bao gồm:

- Thực hiện đánh giá về tình trạng hiện nay trong việc tiếp cận công lý của phụ nữ, bao gồm bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ, cụ thể trong việc tiếp cận và thực hiện các dịch vụ tư pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp, bao gồm, nhưng không giới hạn đối với các dịch vụ hành chính tư pháp như đăng ký hộ tịch (như: nuôi con nuôi, nuôi dưỡng trẻ, ly thân và ly dị), thi hành án (như: quyền tài sản của phụ nữ và trách nhiệm hỗ trợ) và các dịch vụ hỗ trợ pháp luật (như: trợ giúp pháp lý, hòa giải cơ sở) để bảo vệ các quyền của phụ nữ.

- Trên cơ sở các kết quả đánh giá, khuyến nghị hoàn thiện chính sách nhằm nâng cao bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ trong việc tiếp cận các dịch vụ tư pháp và tăng cường thực hiện, bảo đảm chất lượng các dịch vụ tư pháp cho phụ nữ.

⁷ Xem 'Chỉ số công lý: Thực trạng về công bằng và bình đẳng dựa trên khảo sát ý kiến của người dân năm 2012'. Một trong những phát hiện chính của báo cáo này là tình trạng bất bình đẳng trong việc tiếp cận dịch vụ pháp lý có thể ngăn cản quyền bình đẳng và được bảo vệ đầy đủ của công dân trên thực tế; Báo cáo này đã khuyến nghị: các dịch vụ tư pháp cần được tăng cường hơn nữa nhằm hướng tới sự thân thiện và dễ tiếp cận hơn cho người dân, đặc biệt là người nghèo và các nhóm đối tượng yếu thế khác.

- Nhằm hoàn thiện việc thực hiện và tiếp cận các dịch vụ, đề xuất các khuyến nghị nhằm sửa đổi chính sách và các công cụ cần thiết giúp Bộ Tư pháp, các Sở Tư pháp và các cơ quan tư pháp khác nhằm bảo đảm thực hiện kịp thời, có chất lượng các dịch vụ tư pháp cho mọi công dân bao gồm các biện pháp đặc biệt nhằm tiếp cận công lý cho phụ nữ.

Phạm vi đánh giá bao gồm các dịch vụ tư pháp sau:

- Đăng ký hộ tịch (bao gồm các hoạt động được nêu trong dự án Luật hộ tịch đã được Quốc Hội xem xét cho ý kiến tại kỳ họp tháng 6/2014.

- Thi hành án dân sự (bao gồm, nhưng không hạn chế đối với quyền tài sản trong quá trình ly hôn, thừa kế hoặc liên quan đến các vấn đề hôn nhân và gia đình).

- Hỗ trợ pháp luật giúp phụ nữ khiếu nại và bảo vệ các quyền của họ (bao gồm, nhưng không hạn chế trong các lĩnh vực: trợ giúp pháp lý, tìm kiếm luật sư, các phương tiện khác và các biện pháp giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải cơ sở).

Đầu mối liên hệ: Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp, điện thoại: 62739366, email: huongtt@moj.gov.vn

Hội thảo về đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân theo yêu cầu cải cách tư pháp



Ngày 27 tháng 5 năm 2014, được sự hỗ trợ của Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Ban Nội chính Trung ương đã tổ chức hội thảo với nội dung “Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân theo yêu cầu cải cách tư pháp” tại Hà Nội.

Đồng chủ trì Hội thảo có các ông: Nguyễn Doãn Khánh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương; Trần Văn Độ, Phó chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án Quân sự Trung ương và Ông Scott Ciment, Cố vấn chính sách về Pháp quyền và tiếp cận công lý, UNDP Việt Nam.

Tham gia Hội thảo có trên 100 đại biểu gồm các nhà quản lý, các chuyên gia, nhà khoa học pháp lý có kinh nghiệm công tác thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tư pháp của một số cơ quan, đơn vị ở Trung ương và Hà Nội như: Ban Chỉ đạo cải cách Tư pháp Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tư pháp; đại diện Ban Nội chính Tỉnh ủy, Tòa án, Viện Kiểm sát của một số địa phương: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Phú Thọ, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Nguyên, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Giang, Quảng Ninh, Lào Cai, Hà

Giang và đại diện các vụ, đơn vị nghiên cứu của Ban Nội chính Trung ương.

Tại Hội thảo đã có 06 bài tham luận được tình bày và 12 ý kiến phát biểu thẳng thắn, bày tỏ sự đồng tình cao với chủ đề, nội dung mà Ban Nội chính Trung ương lựa chọn để tổ chức hội thảo, bày tỏ sự nhất trí cao với nội dung của các tham luận, đồng thời bổ sung làm rõ thêm nhiều vấn đề về lý luận, thực tiễn, giới thiệu một số kinh nghiệm và đề xuất kiến nghị các giải pháp nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân trong thời gian tới theo yêu cầu cải cách tư pháp. Đồng thời, các ý kiến đã tập trung phân tích, đánh giá những hạn chế, vướng mắc được bộc lộ trong thực tiễn áp dụng mô hình tổ chức và hoạt động tòa án hiện nay, từ đó đề xuất, kiến nghị thiết thực sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Tòa án nhân dân theo yêu cầu cải cách tư pháp.

Đa số ý kiến cho rằng, việc đổi mới tổ chức, hoạt động của tòa án cần phải được tiến hành đồng bộ, gắn với việc đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra và sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về tố tụng hình sự, tố tụng dân sự ...; bảo đảm tính độc lập, thượng tôn pháp luật; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nhấn mạnh vai trò giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân đối với tổ chức và hoạt động của Tòa án. Đồng thời, yêu cầu khắc

phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập mô hình tổ chức Tòa án hiện nay; tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước, phù hợp với truyền thống văn hóa, điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội cụ thể của nước ta.

Một số ý kiến cho rằng, Hiến pháp năm 2013 quy định: "Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp", việc cụ thể hóa "*quyền tư pháp*" của Tòa án nhân dân trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân là cần thiết. Tuy nhiên, "*quyền tư pháp*" là vấn đề lớn và rất mới cả về lý luận, thực tiễn ở nước ta, do vậy, cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng và cân nhắc thận trọng khi lựa chọn các nội dung và mức độ cụ thể hóa trong Luật cho phù hợp với quá trình hoàn thiện về lý luận, nhận thức và thực tiễn ở Việt Nam.

Đối với việc lựa chọn mô hình tổ chức Tòa án nhân dân sơ thẩm, nhiều ý kiến cho rằng, đây là vấn đề hệ trọng, nhưng chưa có tiền lệ trong thực tiễn tổ chức ngành tòa án nước ta và cũng chưa có điều kiện thí điểm để đánh giá một cách toàn diện trước khi thực hiện. Do vậy, thống nhất với Dự thảo Luật về việc thiết kế hai phương án (*Phương án 1*, Tòa án nhân dân sơ thẩm khu

vực và *Phương án 2*, Tòa án nhân dân sơ thẩm được tổ chức đặt tại các đơn vị hành chính cấp huyện) để các đại biểu Quốc hội thảo luận, trao đổi dân chủ trước khi đi đến thống nhất lựa chọn phương án và quyết định thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII (tháng 10/2014).

Về đổi mới tổ chức, hoạt động của tòa án, một số ý kiến phát biểu đề nghị cần nghiên cứu để làm rõ hơn cơ sở lý luận, thực tiễn một số vấn đề cụ thể như: thành lập Tòa gián lược ở Tòa án sơ thẩm khu vực; vấn đề phát triển án lệ của Tòa án; tổ chức bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao; về ngạch thẩm phán; nhiệm kỳ thẩm phán và tuổi nghỉ hưu của thẩm phán.

Phát biểu bế mạc hội thảo, Ông Nguyễn Doãn Khánh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương đã đánh giá cao kết quả của Hội thảo và cho rằng, các ý kiến phát biểu tại hội thảo rất phong phú, hữu ích, cung cấp nhiều thông tin thiết thực giúp cho Ban Nội chính Trung ương tham khảo trong việc tham gia ý kiến với các cơ quan có liên quan và tham mưu với Bộ Chính trị cho ý kiến về dự án Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) trước khi trình Quốc hội cho ý kiến xem xét, thông qua./.

Đầu mối liên hệ: Ban Nội chính Trung ương

Hội thảo góp ý Sổ tay xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã



Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, ngày 27/6, Tiểu dự án Thanh tra Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội thảo “Lấy ý kiến góp ý Sổ tay xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã”. Tham dự Hội thảo có TS. Phạm Quý Ty, nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Trưởng nhóm chuyên gia, một số chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, đại diện Tòa án nhân dân tối cao, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, một số Sở Tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự các tỉnh phía Bắc.

Khai mạc Hội thảo, đồng chí Nguyễn Thắng Lợi - Phó Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp khẳng định [Nghị định số 110/2013/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 9 năm 2013 (có hiệu lực từ ngày 11/11/2013) là một Nghị định lớn, phức tạp, điều chỉnh nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, có nhiều điểm mới so với các Nghị định trước đây. Do đó, việc xây dựng cuốn Sổ tay nhằm hướng dẫn chi tiết, cụ thể về nghiệp vụ xử phạt vi phạm hành chính, giúp cho các công chức có thẩm quyền xử phạt và các chủ thể có liên quan hiểu rõ về các quy định của Nghị định này, nắm chắc các kỹ năng, trình tự, thủ tục khi thực thi công vụ; đồng thời, giải đáp các vướng mắc phát sinh từ thực tiễn xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực này là rất quan trọng và cấp thiết.

Hội thảo được tổ chức xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của công tác xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động tư pháp trong thời gian qua nhằm thảo luận, đóng góp ý kiến làm rõ những nội dung quan trọng của Sổ tay; chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi ý kiến về những khó khăn, vướng mắc, bất cập đó đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhằm tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thi hành trên thực tế các quy định của Nghị định.

Tại Hội thảo, TS. Phạm Quý Ty, nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Trưởng nhóm chuyên gia phát biểu, trình bày tóm tắt nội dung và gợi ý các vấn đề trọng tâm cần trao đổi, thảo luận về dự thảo Sổ tay và nhận định: Sổ tay này có thể coi là cuốn cẩm nang, phục vụ cho công tác xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực do Bộ Tư pháp quản lý. Ông cũng mong muốn trên cơ sở thực tiễn xử phạt vi phạm hành chính đối với các lĩnh vực quy định tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, các đại biểu sẽ thảo luận, đóng góp ý kiến làm sâu sắc thêm những nội dung quan trọng của Sổ tay, đặc biệt là góp ý trực tiếp, cụ thể vào các câu hỏi và phần trả lời để Thanh tra Bộ Tư pháp nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo.

Tại Hội thảo, đã có 05 bài tham luận, nhiều ý kiến của Lãnh đạo và Chánh Thanh tra các Sở Tư pháp, các chuyên gia trong tỉnh lĩnh vực từ các địa phương và cơ quan Bộ, ngành được trình bày, trao đổi, thảo luận một cách nhiệt tình, tâm huyết, sâu sắc và sát với những yêu cầu của thực tiễn. Đa số các ý kiến đánh giá cao nội dung dự thảo Sổ tay đã khái quát được những điểm mới của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, đặc biệt là cách đặt câu hỏi và trả lời hơn một trăm tình huống phát sinh, vướng mắc đã xảy ra, dự định sẽ xảy ra trong quá trình xử phạt cùng nhiều đề xuất khác đối với việc hoàn thiện Sổ tay xử phạt, đặc biệt là đề nghị UNDP và Dự án tiếp tục hỗ trợ cho việc xuất bản Sổ tay sau khi được hoàn thiện.

Theo Thanh tra Bộ Tư pháp

Hội nghị tập huấn về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã



Trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, trong hai ngày 24 và 25 tháng 9 năm 2014, tại thành phố Cần Thơ, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị triển khai và Hội nghị tập huấn thực hiện Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Hội nghị có sự tham gia đại diện Lãnh đạo Sở, Thanh tra các Sở Tư pháp khu vực phía Nam (từ Quảng Nam trở vào), đại diện Lãnh đạo, Thanh tra Sở Tư pháp thành phố Hà Nội, tỉnh Ninh Bình, đại diện Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ và 06 Chi cục Thi hành án dân sự của thành phố Cần Thơ và một số công chức Thanh tra Bộ Tư pháp.

Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Thắng Lợi, Phó Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp đã phổ biến, quán triệt nội dung cơ bản, những điểm mới và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 110/2013/NĐ-CP. Theo đó, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP là một trong số những Nghị định có phạm vi điều chỉnh tương đối rộng, gồm 08 chương, 75 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày

11 tháng 11 năm 2013 và thay thế Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp; Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; Nghị định số 10/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản. Nghị định này chính là một trong những công cụ không thể thiếu của hoạt động quản lý nhà nước nói chung, trong các lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã nói riêng. Việc triển khai, quán triệt và tập huấn Nghị định số 110/2013/NĐ-CP nhằm giúp các công chức các cơ quan Tư pháp địa phương, các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực do Bộ Tư pháp quản lý hiểu rõ, nắm bắt được các nội dung cơ bản của Nghị định, đặc biệt là các nội dung về hành vi vi phạm, mức phạt, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.



Tham gia Hội nghị tập huấn, đồng chí Phạm Quý Ty, nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp, chuyên gia pháp luật, đã giới thiệu nội dung Sổ tay nghiệp vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã với 160 câu hỏi-giải đáp tình huống. Đây là những tình huống xuất phát từ thực tiễn đã được đúc kết thành câu hỏi, trả lời để hướng dẫn áp dụng. Các đại biểu đã sôi nổi chia sẻ kinh nghiệm, nêu các khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện xử phạt vi phạm hành chính tại địa phương mình. Cụ thể là: Thanh tra các Sở Tư pháp hiện nay lực lượng còn rất mỏng, có nơi chỉ có 01 Chánh Thanh tra và 01 Phó Chánh Thanh tra do đó rất khó chủ động ra Quyết định thanh tra; hoạt động thanh tra của Sở Tư pháp chưa được cấp kinh phí hoạt động riêng mà bị phụ thuộc vào kinh phí hành chính chung của Sở Tư pháp; Thanh tra Sở Tư pháp còn nhiều nơi chưa mở được tài khoản riêng để

hoạt động; Biện pháp “hủy bỏ giấy tờ giả” chưa được hướng dẫn trình tự, thủ tục nên khi phát hiện ra giấy tờ giả còn lúng túng trong khâu xử lý; Nghị định chưa quy định các biểu mẫu văn bản cho nên nhiều nơi thực hiện chưa thống nhất; việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự rất khó triển khai thực hiện do Chấp hành viên có tâm lý e ngại do người phải thi hành án còn đang phải thi hành bản án...Trên 60 câu hỏi, vấn đề thắc mắc của các đại biểu nêu ra đã được Thanh tra Bộ Tư pháp và các chuyên gia giải đáp cụ thể, những khó khăn, vướng mắc đều được ghi nhận.

Qua Hội nghị tập huấn, các đại biểu đề xuất Bộ Tư pháp sớm có Thông tư hướng dẫn về biên chế tổ chức, kinh phí hoạt động cho Thanh tra các Sở Tư pháp; có văn bản hướng dẫn chi tiết việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả khi xử phạt vi phạm hành chính và quy định các biểu mẫu giấy tờ về xử lý vi phạm hành chính để Thanh tra các Sở Tư pháp áp dụng thống nhất.

Việc tổ chức triển khai thực hiện và tập huấn có hiệu quả Nghị định trên thực tế sẽ góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương hành chính, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính cũng như đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với vi phạm hành chính trong các lĩnh vực có liên quan./.

Theo Thanh tra Bộ Tư pháp